

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Số: 77/CT-KTNN - TH
V/v báo cáo kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2017

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bình Dương;
- Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ;
- Tổng công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV.

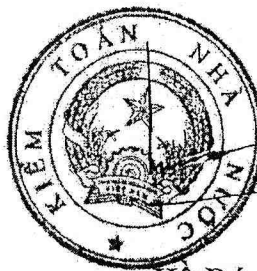
Thực hiện Quyết định số 530/QĐ-KTNN ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV, Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 13 tháng 5 năm 2017, đến nay Báo cáo kiểm toán đã hoàn thành.

Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi tới Quý cơ quan Báo cáo kèm theo Công văn này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT TCT Thương mại XNK Thanh Lễ - TNHH MTV;
- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ;
- Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương;
- Chủ nhiệm Ủy ban TC - NS của Quốc hội;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- KTNN khu vực IV;
- Các Vụ: Tổng hợp; Pháp chế; CD&KSCLKT;
- Lưu: Văn thư.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Hồ Đức Phức

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**KẾT QUẢ TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ VÀ XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH
TRƯỚC KHI CHÍNH THỨC CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
CỔ PHẦN HÓA TẠI CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2017

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
KẾT QUẢ TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ VÀ XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH
TRƯỚC KHI CHÍNH THỨC CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỔ
PHẦN HÓA TẠI CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thực hiện Quyết định số 530/QĐ-KTNN ngày 14/4/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề về tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV (Tổng công ty Thanh Lễ), Đoàn kiểm toán nhà nước (KTNN) của KTNN khu vực IV đã tiến hành kiểm toán từ ngày 14/4/2017 đến ngày 13/5/2017.

1. Nội dung kiểm toán: Kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp cổ phần hóa; kiểm toán việc tuân thủ các quy định của Nhà nước trong việc định giá doanh nghiệp và xử lý tài chính doanh nghiệp cổ phần hóa.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016.

- Các đơn vị được kiểm toán: Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam bộ (SIAC).

2.2. Giới hạn kiểm toán: Đoàn kiểm toán chỉ thực hiện kiểm toán trên cơ sở hồ sơ tài liệu do các đơn vị được kiểm toán cung cấp; không tiến hành kiểm kê, đối chiếu lại tài sản, công nợ phải thu, phải trả, hàng tồn kho, tiền và các khoản tương đương tiền; không kiểm tra hiện trạng các lô đất, nhà cửa, hiện trạng các hạng mục đầu tư XD CB dở dang, các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước; Luật Kế toán; Luật Giá; Các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011

5700746
TỔNG C
THU
XUẤT N
THAI
TRÁCH N
HỮU DẤU

của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;

- Quyết định số 2711/QĐ-UBND, ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng công ty Thanh Lễ;

- Quyết định số 2726/QĐ-UBND, ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Thanh Lễ;

- Quyết định số 01/QĐ-BCĐ, ngày 15/12/2014 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp tại Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Thanh Lễ;

- Quyết định số 343/QĐ-UBND, ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh thời điểm khóa sổ để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng công ty Thanh Lễ;

- Quyết định số 349/QĐ-UBND, ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng công ty Thanh Lễ; Quyết định 686/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Điều chỉnh Quyết định 349/QĐ-UBND;

- Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015 của Tổng công ty Thanh Lễ đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán;

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty SIAC lập ngày 30/3/2017;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (*chi tiết tại Phụ lục số 01/BCKT-DN*);

- Kết luận thanh tra số 620/KL-TTr ngày 15/7/2016 của Thanh tra Bộ Tài chính thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế và giá cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và các tài liệu có liên quan.

438-1
ĐANG
NG M
IAP K
NH I
HIỆU
M V
10-1

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)			Tỷ lệ (%)			
		Tổng nợ đến 31/12/2015	Đã được đối chiếu đến 31/12/2015	Đã thanh toán sau 0h ngày 01/01/2016	Đã đối chiếu đến 31/12/2015	Chưa đối chiếu đến 31/12/2016	Thanh toán sau 0h ngày 01/01/2016	Chưa đối chiếu đến thời điểm kiểm toán
I	NỢ PHẢI THU							
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	910.687	794.824	9.846	87,28	12,72	1,08	11,64
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	392.997	130.946	143.358	33,32	66,68	36,48	30,2
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	176.895	154.947	14.718	87,59	12,41	8,32	4,09
II	NỢ PHẢI TRẢ							
1	Phải trả người bán ngắn hạn	817.902	474.831	343.064	58,055	41,945	41,944	0,001
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.573	30.653	176	88,66	11,34	0,51	10,83

Nguyên nhân một số khoản nợ chưa được đối chiếu:

- Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa đối chiếu đến 31/12/2015 (12,72%) là các khoản thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu đô thị Sóng Thần của nhiều cá nhân khác nhau, địa chỉ đăng ký không chính xác nên chưa liên lạc được. Đến thời điểm kiểm toán, tỷ lệ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa đối chiếu là 11,64%.

- Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn chưa đối chiếu đến 31/12/2015 (66,68%) là các khoản ứng trước tiền đền bù đất của dự án dở dang. Hiện nay, những người dân có đất đền bù thay đổi địa chỉ nên việc đối chiếu chưa thực hiện được. Đến thời điểm kiểm toán, tỷ lệ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa đối chiếu là 30,2%.

- Khoản phải thu ngắn hạn khác chưa đối chiếu đến 31/12/2015 là 12,72%. Đến thời điểm kiểm toán, tỷ lệ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa đối chiếu là 4,09%: Có 3,91% là khoản lãi tiền gửi chưa đến hạn của các ngân hàng được tính căn cứ vào các Hợp đồng tiền gửi, lãi suất và khoản thời gian từ ngày gửi đến 31/12/2015; 0,17% là khoản nợ liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng, trạm lường bồn chưa giải quyết được.

- Khoản phải trả người bán ngắn hạn chưa được đối chiếu đến 31/12/2015 là 41,945% chủ yếu là tiền xăng dầu nhập khẩu của nhà cung cấp ở Singapore. Đến thời điểm kiểm toán, tỷ lệ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa đối chiếu là 0,001% (tiền bảo hành xây dựng hệ thống cấp nước khu TMDV Sóng Thần).

- Khoản phải trả người mua trả tiền trước ngắn hạn chưa được đối chiếu đến 31/12/2015 là 11,34%. Đến thời điểm kiểm toán, tỷ lệ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chưa đối chiếu là 10,83%: Có 9,07% là do khách hàng đặt cọc, mua đất khu Trung tâm thương mại Đô thị dịch vụ Sóng Thần, nhưng địa chỉ đăng ký liên lạc không chính xác và đang trong quá trình liên lạc để điều chỉnh hợp đồng; phần còn lại là số tiền đặt cọc giữ chỗ tại các nhà hàng trong công viên để tổ chức tiệc cưới trong năm 2016.

Ngoài ra, theo kết quả kiểm toán Chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý, điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015 - 2016 của KTTN chuyên ngành VI đã điều chỉnh một số chỉ tiêu sau: tăng chi phí trả trước dài hạn 511,6 triệu đồng, tăng phải thu ngắn hạn của khách hàng 12.077,2 triệu đồng, tăng phải thu ngắn hạn khác 19.827,4 triệu đồng, giảm hàng tồn kho 5.744,1 triệu đồng, tăng nợ thực tế phải trả 22.214,7 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 02/BCKT-DN*).

II. VỀ KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

1. Số liệu về giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III)	7.410.147.929.272	7.505.236.655.989	95.088.726.717
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	3.033.009.717.270	3.098.525.633.698	65.515.916.428
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	4.359.609.743.650	4.385.770.179.993	26.160.436.343
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	17.528.468.352	20.940.842.298	3.412.373.946
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	0	0	
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	0	0	
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	0	0	
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	7.410.147.929.272	7.505.236.655.989	95.088.726.717
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP (Mục A)	7.410.147.929.272	7.505.236.655.989	95.088.726.717
E1. Nợ thực tế phải trả	5.116.708.384.582	5.138.923.156.280	22.214.771.698
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	2.293.439.544.690	2.366.313.499.709	72.873.955.019

(Nguyên nhân chênh lệch được giải thích cụ thể tại Phụ lục số 02/BCKT-DN)

2. Về tính trung thực, hợp lý của kết quả định giá Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016

Ngoại trừ các giới hạn kiểm toán, sau khi xem xét các tồn tại, sai sót và xử lý các vấn đề cần lưu ý, giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016 theo phương pháp tài sản do SIAC đề xuất cơ bản hợp lý. Trong phạm vi và giới hạn kiểm toán, KTNN xác định:

- Giá trị thực tế của Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016 là **7.505.236.655.989 đồng** (Bảy ngàn năm trăm linh năm tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi chín đồng), chênh lệch tăng **95.088.726.717 đồng** (Chín mươi lăm tỷ, tám mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, bảy trăm mười bảy đồng) so với kết quả định giá của SIAC.

- Giá trị phần vốn nhà nước là **2.366.313.499.709 đồng** (Hai ngàn ba trăm sáu mươi sáu tỷ, ba trăm mười ba triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, bảy trăm linh chín đồng), chênh lệch tăng **72.873.955.019 đồng** (Bảy mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn, không trăm mười chín đồng) so với kết quả định giá của SIAC.

01464
NG. C
THUON
AT NH
THAN
TRACH NH
DẤU M

3. Nhận xét

SIAC thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ theo phương pháp tài sản theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi bổ sung Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Cụ thể: Tổng công ty đã lập phương án sử dụng đất và được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 15/02/2017; Thực hiện định giá lại đối với các khoản mục tài sản cố định (trong đó có tài sản gắn liền với đất), công cụ dụng cụ, giá trị thương hiệu, giá trị quyền sử dụng đất được giao đã thực hiện nghĩa vụ tài chính, hàng tồn kho là bất động sản đầu tư, giá trị đầu tư tài chính dài hạn, khoản công nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ. Đối với các khoản mục tài sản ngắn - dài hạn khác (không phải công cụ dụng cụ), hàng tồn kho là nguyên vật liệu - hàng hóa - thành phẩm, tiền mặt tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng, tài sản dở dang dài hạn, nợ phải thu, nợ phải trả, SIAC xác định căn cứ biên bản kiểm kê hàng tồn kho, kiểm kê tiền quỹ tiền mặt, biên bản đối chiếu xác nhận số dư công nợ, xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng, và căn cứ theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, Kết luận thanh tra số 620/KL-TTr ngày 15/7/2016 của Thanh tra Bộ Tài chính thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế và giá cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2015. Về cơ bản, Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ, SIAC đã tuân thủ các quy định hiện hành hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các quy định khác của Nhà nước có liên quan. Tuy nhiên, qua kiểm toán, giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp điều chỉnh tăng 72.873.955.019 đồng và còn một số vấn đề lưu ý nêu tại Mục 4.

4. Một số vấn đề lưu ý

Ngoài việc điều chỉnh giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, kết quả kiểm toán có một số lưu ý như sau:

(i) Khu đất thuê lại trong Khu công nghiệp Nam Tân Uyên tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương: Tổng công ty thuê lại đất của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên theo hợp đồng thuê đất số 25/NTC-THALEXIM ngày 18/6/2007, tổng diện tích 269.384 m², đơn giá cho thuê đất (không bao gồm thuế GTGT là 33 USD/m²) cho toàn bộ thời gian thuê đất từ ngày 18/6/2007 đến ngày 24/10/2054, và trả tiền thuê đất một lần. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần ngày 31/12/2015, diện tích đất thuê tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên đang thuộc quyền sử dụng của đơn vị (là nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 594877 ngày 23/9/2013 do UBND tỉnh Bình Dương cấp chưa cho thuê là 61.890,3 m². SIAC không thực hiện đánh giá lại giá trị quyền sử dụng diện tích đất chưa cho thuê này (do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên trả tiền thuê đất hàng năm nên khi xác định giá trị doanh nghiệp).

(ii) Cao ốc văn phòng 102 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,

58-CJ
NG T
G MA
AP KH
H L
EM QU
ATV
OT-T.9

có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng, mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng ổn định lâu dài, Tổng công ty đang sử dụng làm văn phòng cho thuê, giá trị quyền sử dụng khu đất theo ghi nhận sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 là 123.860.000.000 đồng, giá trị xác định lại tại thời điểm ngày 31/12/2015 theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 16/12/1888/BDS do SIAC lập ngày 08/12/2016 là 109.785.000.000 đồng (giá đất theo chứng thư thẩm định là 220.000.000 đồng/m²; giá đất năm 2015 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành là 66.000.000 đồng/m²), thấp hơn giá trị doanh nghiệp đang hạch toán trên sổ kế toán. Theo quy định tại tiết 2b, Điểm 6, Điều 1 Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần "*Trường hợp giá trị quyền sử dụng đất xác định lại thấp hơn chi phí thực tế về quyền sử dụng đất đang hạch toán trên sổ kế toán thì tính theo giá doanh nghiệp đang hạch toán*", theo đó SIAC ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất thuê khi xác định giá trị doanh nghiệp là 123.860.000.000 đồng.

Theo báo cáo của Tổng công ty Thanh Lễ, ngày 22/02/2017, đơn vị đã có văn số 71/CV-TL ngày 22/02/2017 gửi Ủy ban nhân dân, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thẩm định giá trị quyền sử dụng đất tại số 102 đường Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Đến thời điểm kết thúc kiểm toán, UBND Thành phố Hồ Chí Minh chưa có ý kiến về giá đất.

(iii) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2015 là các khoản đầu tư vào Công ty con, cơ bản được công ty thực hiện đánh giá lại theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ "*Giá trị vốn góp của doanh nghiệp cổ phần hóa đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp 100% vốn do doanh nghiệp cổ phần hóa phải tiến hành xác định lại giá trị doanh nghiệp của các công ty con này như quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này*".

Đối với 2/3 công ty con là doanh nghiệp 100% vốn do tổng công ty nắm giữ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty xác định giá trị phần vốn tại các công ty con này theo số liệu giá trị vốn nhà nước trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015, đồng thời cộng thêm giá trị chênh lệch tăng thêm khi xác định lại giá trị vốn của nhà nước tại các công ty con khi thực hiện chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần đối với các công ty con theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của UBND tỉnh Bình Dương (Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 đối với Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bình Dương phê duyệt xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 30/6/2014, Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 16/05/2016 đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương phê duyệt giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 31/12/2014). Theo giải trình của đơn vị, tại thời điểm 31/12/2015, 02 Công ty này đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để chuyển thể thành công ty cổ phần nên không thực hiện đánh giá lại.

(iv) Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ chưa thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, tỷ lệ chưa đối chiếu trên tổng số dư công nợ đến thời điểm kiểm toán cụ thể như sau:

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phải thu ngắn hạn khách hàng 11,64%; Trả trước cho người bán ngắn hạn 30,2%; Các khoản phải thu ngắn hạn khác 4,09%; Người mua trả tiền trước ngắn hạn 10,83%.

(v) Đối với giá trị quyền sử dụng đất khu đất phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (dự án Khu nhà ở An Bình - khu nhà xưởng Dĩ Huy cũ): Tổng công ty Thanh Lễ được UBND tỉnh Bình Dương giao bổ sung sử dụng khu đất này. Công ty SIAC vận dụng Khoản 6, Điều 1, Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ tạm sử dụng giá đất do UBND tỉnh Bình Dương công bố tại thời điểm 31/12/2015 để tính toán giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào giá trị doanh nghiệp là 60.361.652.200 đồng. KTNN tạm điều chỉnh tăng giá trị quyền sử dụng đất 65.004.307.800 đồng theo Chứng thư thẩm định giá trị quyền sử dụng đất ngày 12/5/2017 của SIAC (125.365.960.000 đồng), chưa có ý kiến chính thức của UBND tỉnh Bình Dương về giá đất của khu đất này.

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ

- Trên cơ sở kết quả kiểm toán của KTNN, Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ phối hợp với SIAC xem xét xử lý các vấn đề cần lưu ý như đã nêu trong báo cáo kiểm toán, đề xuất giá trị doanh nghiệp, giá trị vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá trị doanh nghiệp theo kết quả kiểm toán tăng thêm 72.873.955.019 đồng.

- Tiếp tục đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu và hoàn thành việc đối chiếu, xác nhận nợ trước thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu và báo cáo UBND tỉnh Bình Dương xem xét để quyết định theo quy định.

2. Đối với UBND tỉnh Bình Dương

Trên cơ sở kết quả kiểm toán của KTNN, chỉ đạo Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ phối hợp với SIAC thực hiện các kiến nghị của KTNN với giá trị tăng thêm 72.873.955.019 đồng, xem xét xử lý các vấn đề lưu ý đã nêu tại Điểm 4, Mục II, Phần thứ nhất; Xem xét, quyết định giá trị doanh nghiệp, giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ tại thời điểm 0h ngày 01/01/2016 và thực hiện các bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thanh Lễ theo quy định.

Đề nghị UBND tỉnh Bình Dương chỉ đạo Tổng công ty Thanh Lễ thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về KTNN khu vực IV, địa chỉ: 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trước ngày 31/8/2017. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do).

Báo cáo kiểm toán gồm 09 trang, từ trang 01 đến trang 09 và các phụ lục số 01, 02/BCKT-DN là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán./.

TRƯỞNG ĐOÀN KTVN

Phạm Thạch

Số thẻ KTVN: C 0672



KIỂM TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Tuấn Anh

10814
TỔNG
THUK
QUAT P
TH/
TRACH
U DẤU

**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LÀM CĂN CỨ
XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY MẸ -
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV**

I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
2. Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013;
3. Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
4. Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
5. Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20/06/2012;
6. Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
7. Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
8. Thông tư 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
9. Quyết định số 439/BXD-CSXD ngày 25/9/1997 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn xây dựng tập II và tập III;
10. Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở;
11. Thông tư số 13/LB-TT ngày 18/8/1994 của Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ hướng dẫn phương pháp xác định giá trị còn lại của nhà ở trong bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê;
12. Công văn số 1326/BXD-QLN ngày 08/8/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản cố định là nhà, vật kiến trúc;
13. Thông tư số 45/2013/TT-BTC, ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
14. Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ về quy định niên hạn sử dụng của ô tô tải và ô tô chở người;

15. Thông tư số 21/2010/TT-BGTVT ngày 10/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Chính phủ về quy định niên hạn sử dụng của ô tô tải và ô tô chở người;

16. Công văn số 6096/BGTVT-KHCN ngày 28/9/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản là phương tiện vận tải, thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải;

17. Quyết định số 1161/QĐ-BXD ngày 15/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2014;

18. Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

19. Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

20. Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

21. Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình kiến trúc, cây trái và hoa mùa trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

II. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ TNHH MTV

1. Tờ trình số 188/TTr-STNMT ngày 30/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương;

2. Văn bản số 309/STNMT-QLĐĐ ngày 20/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ý kiến về phương án sử dụng đất của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên.

3. Các Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ (SIAC) lập về việc thẩm định giá trị quyền sử dụng đất;

4. Biên bản họp xác định giá đất để phục vụ công tác cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV đối với khu đất thuộc xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên (Cửa hàng xăng dầu số 10) ngày 09/3/2017.

5. Biên bản họp xác định giá đất để phục vụ công tác cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên đối với 03 khu đất thuộc phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, thành phố Thủ Dầu Một [Cửa

8-CH.1
IG TY
MAI
PKHAI
1 LỄ
THUẬN
V
T BÌNH

hàng xăng dầu số 7, Cửa hàng xăng dầu số 14 và Khu đô thị Dịch vụ Thương mại Sóng Thần (Khu B)] ngày 09/3/2017.

6. Biên bản họp xác định giá đất để phục vụ công tác cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên đối với 02 khu đất thuộc phường Phú Hòa (Cửa hàng xăng dầu số 6) và phường Phú Cường (Cao ốc Bình Dương), thành phố Thủ Dầu Một ngày 10/3/2017.

7. Biên bản họp xác định giá đất để phục vụ công tác cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên đối với 02 khu đất thuộc phường Hiệp Thành (Văn phòng giao dịch Chợ Cây Dừa) và phường Chánh Mỹ (Bãi đỗ phương tiện vận chuyển xăng dầu Chánh Mỹ), thành phố Thủ Dầu Một ngày 10/3/2017.

8. Biên bản họp xác định giá đất để phục vụ công tác cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên đối với khu đất tại phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một (Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ) ngày 21/3/2017.

9. Biên bản ngày 27/3/2017 về việc họp xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên tại thời điểm 31/12/2015.

10. Hợp đồng Tư vấn thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên số 322/TNB-TVTHCPH-PN-CT ngày 25/6/2015 được ký giữa Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV và Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ (SIAC);

11. Các hồ sơ pháp lý và tài liệu kế toán có liên quan khác do Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên cung cấp.



Phụ lục số 02/BCKT-DN

**KẾT QUẢ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ TNHH MTV**

Tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	7.410.147.929.272	7.505.236.655.989	95.088.726.717
I	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	3.033.009.717.270	3.098.525.633.698	65.515.916.428
01	Các khoản phải thu dài hạn	20.280.000.000	20.280.000.000	0
1.1	Phải thu dài hạn khác	20.280.000.000	20.280.000.000	0
02	Tài sản cố định	633.477.006.035	698.481.313.835	65.004.307.800
2.1	Tài sản cố định hữu hình	444.182.263.289	444.182.263.289	0
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	376.734.038.537	376.734.038.537	0
b	Máy móc thiết bị	22.990.480.865	22.990.480.865	0
c	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	40.760.774.349	40.760.774.349	0
d	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.358.249.938	3.358.249.938	0
e	Tài sản cố định khác	338.719.600	338.719.600	0
2.2	Tài sản cố định vô hình	189.294.742.746	254.299.050.546	65.004.307.800
03	Bất động sản đầu tư	168.494.172.077	168.494.172.077	0
3.1	Quyền sử dụng đất	152.016.921.696	152.016.921.696	0
3.2	Nhà cửa, vật kiến trúc	16.477.250.381	16.477.250.381	0
04	Tài sản dở dang dài hạn	913.985.155.074	913.985.155.074	0
4.1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	191.296.137.500	191.296.137.500	0
4.2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	722.689.017.574	722.689.017.574	0
05	Đầu tư tài chính dài hạn	1.264.711.919.488	1.264.711.919.488	0
5.1	Đầu tư vào công ty con	1.264.711.919.488	1.264.711.919.488	0
06	Tài sản dài hạn khác	32.061.464.596	32.573.073.224	511.608.628
6.1	Chi phí trả trước dài hạn	32.061.464.596	32.573.073.224	511.608.628
II	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	4.359.609.743.650	4.385.770.179.993	26.160.436.343
01	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.291.012.320.223	1.291.012.320.223	0
1.1	Tiền	288.012.320.223	288.012.320.223	0
1.2	Các khoản tương đương tiền	1.003.000.000.000	1.003.000.000.000	0
02	Đầu tư tài chính ngắn hạn	335.000.000.000	335.000.000.000	0
2.1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	335.000.000.000	335.000.000.000	0
03	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.480.580.158.143	1.512.484.766.379	31.904.608.236
3.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	910.687.605.822	922.764.805.662	12.077.199.840
3.2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	392.997.308.118	392.997.308.118	0
3.3	Phải thu ngắn hạn khác	176.895.244.203	196.722.652.599	19.827.408.396
04	Hàng tồn kho	1.226.529.849.106	1.220.785.677.213	(5.744.171.893)

100346
TỔNG C
THỰC
UẤT NH
THAI
TRÁCH N
DẤU M

a	Hàng mua đang đi đường	79.420.767.852	79.420.767.852	0
b	Nguyên liệu, vật liệu	4.496.889.145	4.496.889.145	0
c	Công cụ dụng cụ	1.277.766.260	1.277.766.260	0
d	Hàng hóa	594.636.047.296	588.891.875.403	(5.744.171.893)
e	Thành phẩm bất động sản	495.043.132.413	495.043.132.413	0
f	Hàng hóa bất động sản	51.655.246.140	51.655.246.140	0
05	Tài sản ngắn hạn khác	26.487.416.178	26.487.416.178	0
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	2.216.726.867	2.216.726.867	0
5.2	Thuế GTGT được khấu trừ	10.028.201.278	10.028.201.278	0
5.3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10.038.751.922	10.038.751.922	0
5.4	Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn đang sử dụng	4.203.736.111	4.203.736.111	0
III	GIÁ TRỊ LỢI THẾ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	17.528.468.352	20.940.842.298	3.412.373.946
IV	GIÁ TRỊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẢN DỪNG	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI (Không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)		7.410.147.929.272	7.505.236.655.989	95.088.726.717
Trong đó:				
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)		7.410.147.929.272	7.505.236.655.989	95.088.726.717
E1	NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	5.116.708.384.582	5.138.923.156.280	22.214.771.698
E2	NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)]		2.293.439.544.690	2.366.313.499.709	72.873.955.019

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH

1. Tài sản cố định vô hình tăng 65.004.307.800 đồng, do tăng giá trị quyền sử dụng đất phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (dự án Khu nhà ở An Bình - khu nhà xưởng Dĩ Huy cũ). Cụ thể: Căn cứ Biên bản họp ngày 27/3/2017 về việc họp xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Tổng công ty Thanh Lễ đã lập phương án sử dụng đất bổ sung và điều chỉnh một số khu đất. Ngày 30/3/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương đã có Tờ trình số 188/TTr-STNMT về việc điều chỉnh Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Dương và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt. Do vấn đề thời gian, SIAC vận dụng Khoản 6, Điều 1, Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ, tạm sử dụng giá đất do UBND tỉnh Bình Dương công bố tại thời điểm 31/12/2015 để tính toán giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào giá trị doanh nghiệp.

Đến ngày 12/5/2017, SIAC đã có Chứng thư thẩm định giá trị quyền sử dụng đất tại dự án Khu nhà ở An Bình. Căn cứ chứng thư thẩm định, giá trị

quyền sử dụng đất của khu đất này là 125.365.960.000 đồng, chênh lệch so với giá trị đã ghi trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp do SIAC lập là 65.004.307.800 đồng.

2. Chi phí trả trước dài hạn tăng 511.608.628 đồng, do phân bổ lại chi phí bảo hiểm cháy nổ, xe cơ giới, xà lan chở dầu (theo kết quả kiểm toán chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý, điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 do KTNN chuyên ngành VI thực hiện).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 12.077.199.840 đồng, do điều chỉnh lại phần thuế GTGT các khoản hỗ trợ giảm giá, hỗ trợ chi phí hạch toán doanh thu, chi phí; phần hao hụt vận chuyển phải thu của bên vận chuyển theo hợp đồng vận chuyển xăng dầu (theo kết quả kiểm toán chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý, điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 do KTNN chuyên ngành VI thực hiện).

4. Phải thu ngắn hạn khác tăng 19.827.408.396 đồng, do hạch toán lại thuế nhập khẩu mặt hàng dầu DO tại thị trường ASEAN (được ưu đãi hoàn thuế) tăng giá vốn trong kỳ không đúng quy định (theo kết quả kiểm toán chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý, điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 do KTNN chuyên ngành VI thực hiện).

5. Hàng hóa giảm 5.744.171.893 đồng, do hạch toán lại thuế nhập khẩu mặt hàng dầu DO tại thị trường ASEAN (được ưu đãi hoàn thuế) không đúng quy định (theo kết quả kiểm toán chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý, điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 do KTNN chuyên ngành VI thực hiện).

6. Giá trị lợi thế kinh doanh tăng 3.412.373.946 đồng, do xác định lại giá trị thương hiệu, Tổng công ty đã xác định nhưng chưa đầy đủ đối với các khoản chi phí quảng cáo, tuyên truyền để quảng bá giới thiệu đơn vị trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 05 năm (từ 2011-2015) theo quy định tại Tiết a, Điểm 7, Điều 18, Mục II, Chương III Thông tư 127/2014 ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính.

7. Nợ thực tế phải trả tăng 22.214.771.698 đồng, do điều chỉnh tăng thuế GTGT, thuế khác và khoản phải nộp khác tăng (theo kết quả kiểm toán chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý, điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 do KTNN chuyên ngành VI thực hiện).



